

Thứ hai, ngày 4 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/11/2019			•
Tuần 4/11-8/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tiếp nối đà hưng phấn của phiên cuối tuần trước, VN-Index duy trì được đà tăng trong phiên sáng mặc dù cổ phiếu nhà Vin có sự điều chỉnh. Thay vào đó, dưới sự bứt phá của nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng bao gồm VCB, BID, TCB, VPB, MBB, CTG, chỉ số mở rộng biên độ tăng và thành công chinh phục ngưỡng kháng cự 1,020 điểm. Thị trường có phiên giao dịch tích cực đồng pha với các TTCK chủ chốt khác trong khu vực. Trong bối cảnh VN-Index đã bứt phá khỏi ngưỡng kháng cự mạnh với thanh khoản đồng thuận, nhà đầu tư có thể kì vọng thị trường sẽ tiến tới thử thách các mức kháng cự cao hơn. Theo đó, nhà đầu tư có thể tăng tỉ trọng danh mục nắm giữ khi thị trường điều chỉnh trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/11/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. FPT tăng mạnh trong phiên hôm nay vượt qua đỉnh gần nhất tại 59.5, sau giai đoạn tích lũy quanh ngưỡng 58. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của FPT có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng_2.0%. 10/18 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.0%**, con số này của VNINDEX là 0.7%.

Phân tích kỹ thuật: TCB_Tiếp tục xu hướng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.84 điểm**, đóng cửa 1,022.43. HNX-Index **+0.85 điểm**, đóng cửa 106.60.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.60); BID (+1.24); VHM (+0.79); TCB (+0.63); GAS (+0.57)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.77); VNM (-0.55); HPG (-0.12); SBT (-0.11); VRE (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,439 tỷ đồng**, **+9.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.06 điểm. Thị trường có 145 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 185 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **59.89 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (47.60 tỷ), HCM (37.54 tỷ) và VRE (19.90 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.23 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1022.43

Giá trị: 4439.73 tỷ

6.84 (0.67%)

Khối ngoại (ròng): 59.89 tỷ

HNX-INDEX

106.60

Giá trị: 312.03 tỷ

0.85 (0.8%)

Khối ngoại (ròng): -0.23 tỷ

UPCOM-INDEX

56.59

Giá trị: 243.55 tỷ

0.37 (0.66%)

Khối ngoại(ròng): 5.51 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.3	0.23%
Giá vàng	1,512	-0.18%
Tỷ giá USD/VND	23,200	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,892	0.12%
Tỷ giá JPY/VND	21,416	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	9.12%
LS TPCP 5 năm	2.7%	4.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	47.7	HPG	-34.8
HCM	37.6	ROS	-24.4
VRE	19.6	MSN	-12.2
POW	17.5	BSR	-12.0
VNM	16.4	PVD	-10.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **10/18 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.0%**, con số này của VNINDEX là 0.7%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Ngân hàng	2.0%	2.6%	4.3%	16.6%	21.0%	23.8%	91.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	2.3%	4.4%	13.7%	13.9%	11.6%	44.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.5%	0.9%	1.8%	13.0%	20.1%	23.3%	86.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.9%	1.5%	2.1%	11.0%	12.7%	16.0%	76.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	1.9%	3.2%	10.9%	16.2%	26.6%	98.0%
BDS & Khu công nghiệp	0.5%	1.1%	0.1%	3.7%	8.7%	16.7%	63.6%
Dầu khí	0.4%	2.2%	3.8%	1.2%	-1.9%	4.7%	17.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	1.7%	0.7%	0.7%	-4.3%	-4.8%	47.8%
Nước & Năng lượng	0.3%	1.5%	0.4%	4.8%	1.8%	19.0%	55.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	-0.1%	-0.2%	-2.4%	-0.9%	22.8%	50.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	2.7%	3.0%	5.4%	4.6%	18.1%	85.5%
FTSE Việt Nam	-0.1%	3.0%	3.9%	7.6%	8.1%	23.1%	92.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	-1.1%	1.4%	6.6%	5.2%	12.8%	10.0%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	-1.2%	-1.2%	4.2%	9.5%	18.3%	65.0%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	-2.2%	-3.4%	-6.0%	-2.2%	1.8%	7.4%
Lãi suất giảm	-0.6%	-1.5%	-2.5%	1.1%	3.2%	8.1%	53.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.6%	-1.1%	-1.3%	3.4%	-1.6%	3.2%	-0.9%
Xây dựng	-0.7%	-1.6%	-6.5%	-0.3%	-6.0%	-5.7%	26.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 6	1.2%	-1.0%	-0.1%	10.9%	15.0%	27.7%	128.1%
Danh mục 4	1.0%	0.7%	2.3%	12.0%	20.5%	23.4%	48.2%
Danh mục 10	0.9%	0.2%	0.6%	6.2%	9.5%	18.7%	60.5%
Danh mục 17	0.2%	-0.1%	0.4%	2.1%	10.5%	42.0%	191.6%
Danh mục 11	-0.2%	-1.2%	1.1%	4.9%	14.6%	32.6%	115.8%

* Note **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	1.1%	0.2%	2.7%	10.8%	17.7%	36.1%	77.4%
Danh mục 24	0.8%	0.8%	2.4%	7.2%	23.5%	43.1%	106.1%
Danh mục 21	0.7%	1.5%	2.7%	14.0%	17.9%	25.9%	74.8%
Danh mục 25	0.1%	-0.2%	1.3%	5.7%	21.3%	52.2%	183.6%
Danh mục 23	-0.4%	-0.1%	0.4%	1.7%	10.5%	47.2%	151.0%

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	0.7%	2.6%	3.5%	6.0%	8.0%	15.0%	50.8%
VN30INDEX	0.7%	1.5%	2.7%	8.6%	7.9%	7.6%	45.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

BSC RESEARCH

11/4/2019

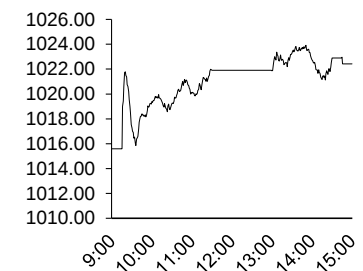
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

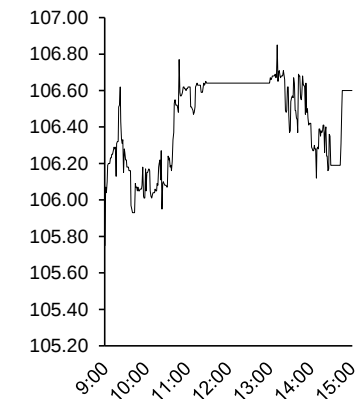
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-0.9%
Truyền thông	-0.8%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.2%
Ô tô và phụ tùng	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Bảo hiểm	0.0%
Bất động sản	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Dầu khí	0.3%
Bán lẻ	0.5%
Dịch vụ tài chính	0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.0%
Y tế	1.1%
Công nghệ Thông tin	2.0%
Ngân hàng	2.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TCB_Tiếp tục xu hướng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mức 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 duy trì trên EMA26.

Nhận định: TCB vẫn đang ở trong xu hướng tăng giá từ đầu tháng 8 cho đến nay. Sau khoảng nửa tháng tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 24, phiên hôm nay cổ phiếu này đã giao dịch khởi sắc trở lại để tiếp tục chinh phục những mục tiêu cao hơn. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Trong bối cảnh thị trường chung nói chung và ngành ngân hàng nói riêng đang lên như hiện tại thì viễn cảnh của TCB trong thời gian tới là khá sáng sủa. Nếu duy trì được động lực tăng giá, TCB có thể sớm tiếp cận mục tiêu đầu tiên là tại vùng giá 27.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Dự báo 2019. BSC dự báo, trong năm 2019, TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 21,075 tỷ VND (+14.9% yoy) và 11,208 tỷ VND (+5.13% yoy). Dự báo này dựa trên giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13%, bằng với hạn mức cho phép của SBV, (2) cho vay +4.8% yoy, huy động +4% yoy, (3) NIM = 4.4% từ việc tăng tỷ lệ casa và cơ cấu lại các khoản vay với lãi suất cao hơn, (4) NPL = 1.35%, tỷ lệ bao nợ xấu = 90%, (5) không còn các khoản thu nhập bất thường từ thoái vốn và hoàn nhập dự phòng, (6) thu hồi nợ ngoại bảng = 1,500 tỷ VND. Hiện nay, TCB đang được giao dịch với P/E = 10.14x và P/B = 1.62x, tương đương với trung bình ngành hiện tại.

Cập nhật KQKD

KQKD 1Q2019. TOI = 4,395 tỷ VND (-5.7% yoy), nếu loại trừ thu nhập bất thường (bán TCB Finance) thì TOI +16.7% yoy, PBT = 2,617 tỷ VND (+1.9% yoy). Tăng trưởng tín dụng - 0.28% yoy trong quý 1, cho vay khách hàng +2.4% yoy, tiền gửi +3.3% yoy. Thu nhập lãi thuần +31.9% yoy. NIM = 4.41%, tăng 41 bps so với quý 4/2018 do (1) tỷ lệ casa giữ mức cao, 27% trong cơ cấu huy động, (2) lãi từ chứng khoán nợ tăng mạnh +62.4% ytd, (3) tiếp tục cơ cấu lại các khoản vay với lãi suất cao hơn.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express TCB 2019Q2

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

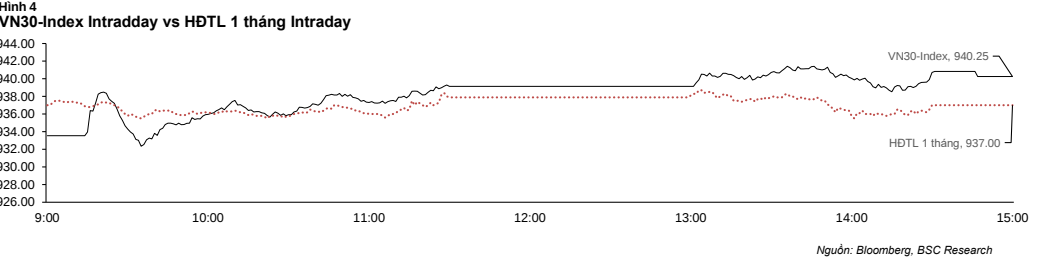
ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	937.00	0.37%	-3.25	-15.2%	55674	11/21/2019	19
VN30F1912	937.00	0.29%	-3.25	-19.5%	244	12/19/2019	47
VN30F2003	937.70	0.51%	-2.55	-83.3%	11	3/19/2020	138
VN30F2006	938.70	0.19%	-1.55	-67.4%	28	6/18/2020	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục tăng mạnh +6.70 điểm lên mức 940.25 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VCB, VPB, FPT, và MBB tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 biến động mạnh trước khi tăng mạnh lên mốc 940 điểm. Sang phiên chiều, VN30 vận động tích lũy quanh ngưỡng 940 điểm. Thanh khoản tiếp tục tăng mạnh đồng thuận cùng vận động tăng của chỉ số. Các chỉ báo động lượng cũng cho thấy, VN30 có thể tiếp tục tăng mạnh tiếp cận ngưỡng 950 điểm.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1911 và VN30F2003 đang giảm, trong khi, VN30F1912 và VN30F2006 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CREE1901	MBS	11/19/2019	15	3:1	261,070	149.6%	3.0 triệu	23.50%	1,260	520	18.18%	379.30	1.37
CFPT1904	MBS	11/19/2019	15	3:1	621,280	391.9%	3.0 triệu	20.16%	1,700	2,540	15.98%	2,667.20	0.95
CFPT1903	SSI	12/30/2019	56	1:1	292,400	1045.8%	2.0 triệu	20.16%	6,000	15,420	8.59%	15,092.90	1.02
CMBB1905	HSC	4/8/2020	156	2:1	154,550	-29.7%	5.0 triệu	17.04%	1,700	1,780	7.88%	738.10	2.41
CFPT1905	SSI	4/22/2020	170	1:1	77,680	545.2%	1.0 triệu	20.16%	9,900	11,030	6.78%	7,072.60	1.56
CMBB1902	HSC	12/17/2019	43	1:1	248,470	60.9%	1.0 triệu	17.04%	3,200	4,040	6.32%	1,735.50	2.33
CMWG1907	HSC	4/8/2020	156	10:1	273,950	26.4%	5.0 triệu	20.42%	1,900	2,000	5.26%	857.70	2.33
CTCB1901	MBS	1/17/2020	74	2:1	257,280	974.7%	2.0 triệu	20.26%	1,680	1,660	4.40%	753.90	2.20
CFPT1906	HSC	4/8/2020	156	5:1	294,660	304.4%	5.0 triệu	20.16%	1,700	1,980	4.21%	1,096.20	1.81
CSTB1901	KIS	1/9/2020	66	1:1	196,330	-4.7%	1.5 triệu	19.98%	1,390	1,480	2.78%	480.80	3.08
CVHM1902	SSI	4/22/2020	170	1:1	19,070	-86.1%	1.0 triệu	27.92%	18,600	21,530	2.04%	14,988.30	1.44
CMWG1902	VND	12/11/2019	37	4:1	86,430	32.2%	2.4 triệu	20.42%	2,990	9,000	1.47%	9,133.10	0.99
CNVL1901	KIS	2/7/2020	95	4:1	334,290	-28.3%	5.0 triệu	20.36%	1,900	1,910	1.06%	394.00	4.85
CMWG1906	MBS	12/16/2019	42	5:1	290,890	15.1%	3.0 triệu	20.42%	2,850	2,510	0.40%	1,420.90	1.77
CMWG1903	HSC	12/30/2019	56	5:1	89,840	-23.7%	2.0 triệu	20.42%	2,700	6,500	0.31%	6,348.20	1.02
CVIC1902	SSI	4/22/2020	170	1:1	12,100	-61.3%	1.0 triệu	18.10%	22,700	22,550	-1.10%	11,658.20	1.93
CMWG1904	SSI	12/30/2019	56	1:1	19,460	-58.5%	1.0 triệu	20.42%	14,000	38,290	-1.82%	36,753.50	1.04
CVJC1902	SSI	4/22/2020	170	1:1	19,550	53.9%	1.0 triệu	15.38%	27,900	31,090	-1.86%	18,744.00	1.66
CVRE1902	HSC	4/8/2020	156	4:1	478,940	47.5%	5.0 triệu	26.20%	1,300	1,660	-3.49%	1,067.20	1.56
CVNM1903	SSI	4/22/2020	170	1:1	41,200	N/A	1.0 triệu	19.13%	26,600	26,630	-4.89%	15,677.80	1.70
CVRE1901	KIS	11/14/2019	10	2:1	284,370	-58.5%	2.5 triệu	26.20%	1,900	150	-21.05%	0.10	1,500.00
CVIC1901	KIS	11/14/2019	10	5:1	196,470	146.8%	2.0 triệu	18.10%	1,960	120	-40.00%	-	-
Tổng:					6,751,150		113.2 triệu	21.19%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/11/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CREE1901 và CFPT1904 tăng mạnh nhất lần lượt là 18.18% và 15.98%. Trái lại, CVIC1901 và CVRE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -40.00% và -21.05%. Thanh khoản thị trường tăng 16.30%. CHPG1906 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.31% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. FPT tăng mạnh trong phiên hôm nay vượt qua đỉnh gần nhất tại 59.5, sau giai đoạn tích lũy quanh ngưỡng 58. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của FPT có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	24.35	2.53	1.90
VCB	92.00	3.60	1.32
VPB	22.00	2.33	1.20
FPT	59.90	2.39	1.06
MBB	23.30	1.53	0.67

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	131.3	-0.83	-0.78
VIC	121.7	-0.65	-0.47
HPG	21.8	-0.68	-0.35
SBT	18.1	-3.47	-0.24
CTD	74.5	-2.10	-0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1901	41,330	37,550	38,300
CFPT1904	57,100	52,000	59,900
CFPT1903	56,154	45,140	59,900
CMBB1905	26,400	23,000	23,300
CFPT1905	64,900	55,000	59,900
CMBB1902	26,300	21,800	23,300
CMWG1907	144,000	125,000	126,100
CTCB1901	26,860	23,500	24,350
CFPT1906	65,500	57,000	59,900
CSTB1901	12,278	10,888	10,900
CVHM1902	103,600	85,000	96,000
CMWG1902	48,130	90,000	126,100
CNVL1901	69,688	62,088	59,200
CMWG1906	135,150	120,900	126,100
CMWG1903	25,800	95,000	126,100
CVIC1902	137,700	115,000	121,700
CMWG1904	165,000	90,000	126,100
CVJC1902	157,900	130,000	145,300
CVRE1902	37,700	32,500	34,900
CVNM1903	146,600	120,000	131,300
CVRE1901	44,688	40,888	34,900
CVIC1901	150,688	140,888	121,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	126.1	0.7%	0.7	2,427	7.7	8,321	15.2	4.9	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.6	2.8%	1.0	828	5.1	4,839	17.7	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	74.0	0.0%	1.3	2,255	0.8	1,889	39.2	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.1	-0.3%	0.7	323	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	121.7	-0.7%	1.0	17,704	1.6	1,589	76.6	5.2	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.9	-0.4%	1.1	3,534	5.4	1,033	33.8	2.9	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.2	0.3%	0.8	2,395	1.1	3,187	18.6	2.7	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	38.3	1.7%	1.0	516	2.0	5,614	6.8	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	16.0	3.6%	1.4	366	2.3	3,215	5.0	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.8	1.2%	1.4	480	3.1	1,769	12.3	1.1	56.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.5	-1.4%	1.0	247	0.4	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.8	3.6%	1.5	329	3.4	1,287	19.2	1.7	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	59.9	2.4%	0.8	1,766	15.1	4,688	12.8	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	2.2%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.5	1.0%	1.5	8,779	2.3	5,886	17.9	4.4	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.6	0.3%	1.5	3,086	1.1	3,467	17.2	3.2	13.3%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.7	0.5%	1.7	389	1.3	2,062	9.1	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.0	2.0%	0.8	1,348	2.1	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	1.6%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.7	-1.8%	0.7	232	0.2	650	21.0	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.3	-1.1%	0.6	168	0.2	625	11.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	92.0	3.6%	1.3	14,836	4.3	5,274	17.4	4.2	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	42.2	2.9%	1.5	6,273	3.2	2,109	20.0	2.6	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.5	0.7%	1.6	3,634	5.7	1,641	13.7	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	22.0	2.3%	1.2	2,302	2.4	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.3	1.5%	1.1	2,356	7.2	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.6	1.7%	1.1	1,734	4.2	3,585	6.9	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.6	-0.8%	0.8	187	0.5	5,073	10.4	1.7	79.3%	16.5%
NTP	Nhựa	32.1	-2.1%	0.3	137	0.1	4,603	7.0	1.2	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.6	0.0%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.8	-0.7%	1.0	2,611	5.7	2,526	8.6	1.3	37.5%	17.4%
HSG	Thép	7.1	-1.1%	1.6	131	0.8	890	8.0	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	131.3	-0.8%	0.7	9,941	8.0	5,465	24.0	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	260.0	0.0%	0.8	7,249	0.2	7,365	35.3	9.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	76.3	0.8%	1.2	3,878	3.0	4,512	16.9	2.7	40.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.1	-3.5%	0.5	462	1.0	440	41.2	1.5	6.0%	3.5%
ACV	Vận tải	81.0	1.3%	0.8	7,667	0.1	2,630	30.8	5.7	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	145.3	-0.1%	1.1	3,309	2.4	9,850	14.8	5.6	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	36.5	-0.1%	1.7	2,248	1.4	1,747	20.9	2.9	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.9	0.7%	0.8	347	0.5	1,949	13.8	1.3	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.2	-0.6%	0.6	210	0.3	2,571	6.7	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.5	0.3%	0.9	602	1.1	8,338	10.4	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	-0.3%	0.8	367	0.1	1,398	13.5	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.6	-1.8%	0.8	275	0.2	1,912	8.7	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	74.5	-2.1%	0.7	247	0.5	9,842	7.6	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.8	0.0%	1.1	515	0.6	1,557	17.2	1.8	0.0%	10.4%
CII	Xây dựng	24.4	-0.6%	0.5	262	1.0	1,845	13.2	1.1	51.8%	8.8%
POW	Điện	13.8	1.5%	0.6	1,400	3.2	820	16.8	1.3	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.0	-0.4%	0.6	288	0.2	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	92.00	3.60	3.49	1.09MLN
BID	42.20	2.93	1.21	1.74MLN
VHM	96.00	0.84	0.79	1.12MLN
TCB	24.35	2.53	0.62	3.95MLN
GAS	105.50	0.96	0.56	499870.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.60	1.65	0.66	3.94MLN
SHB	6.70	1.52	0.11	5.63MLN
DHT	57.70	8.46	0.07	60100.00
NVB	9.30	1.09	0.04	1.40MLN
SJE	27.40	9.60	0.03	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	121.70	-0.65	-0.79	309680.00
VNM	131.30	-0.83	-0.56	1.41MLN
HPG	21.75	-0.68	-0.12	6.04MLN
SBT	18.10	-3.47	-0.11	1.19MLN
VRE	34.90	-0.43	-0.10	3.54MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGC	116.00	-9.94	-0.03	200.00
CTX	12.80	-9.22	-0.03	13900.00
NTP	32.10	-2.13	-0.02	49400.00
PGS	31.90	-1.54	-0.02	1200.00
VCR	16.80	-6.67	-0.02	247400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.54	6.95	0.00	100.00
NVT	7.25	6.93	0.01	15460.00
FLC	4.81	6.89	0.07	14.71MLN
VNL	15.00	6.76	0.00	20.00
CLG	3.02	6.71	0.00	32730.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STC	14.40	9.9	0.00	100.00
PMB	6.70	9.8	0.00	100.00
SJE	27.40	9.6	0.03	100.00
SAF	55.80	9.4	0.01	100.00
API	12.90	9.3	0.02	2200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YBM	5.07	-6.97	0.00	50620.00
VTB	14.80	-6.92	0.00	560.00
BTT	37.70	-6.91	-0.01	10330.00
VSI	22.25	-6.90	-0.01	2030.00
LAF	9.50	-6.86	0.00	530.00

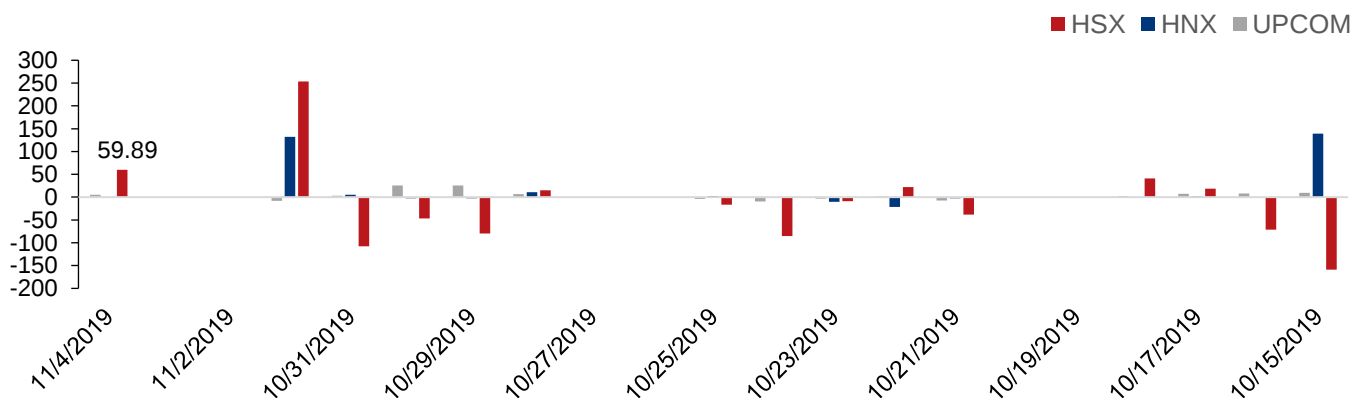
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	-0.01	109400.00
DST	0.90	-10.00	0.00	175900.00
CKV	14.50	-9.94	0.00	1300.00
SGC	116.00	-9.94	-0.03	200.00
CAN	21.90	-9.88	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
10	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
11	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
12	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
17	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	25.8	3,491	7.4	1.2	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.7	2,246	8.3	0.9	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.2	3,678	10.7	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.3	4,512	16.9	2.7	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	131.3	5,465	24.0	8.1	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.3	5,614	6.8	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	81.6	14,958	5.5	1.6	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.1	2,279	3.6	0.5	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.6	3,585	6.9	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.8	1,079	12.7	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	92.0	5,274	17.4	4.2	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.7	1,723	13.2	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.3	3,261	7.1	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	54.5	2,801	19.5	3.2	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.9	1,949	13.8	1.3	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.5	3,391	7.8	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	59.9	4,688	12.8	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	126.1	8,321	15.2	4.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn